TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HS-ST
Ngày: 21-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:	Ông Nguyễn Đức Cảnh
Thẩm phán:	Ông Mai Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Trần Văn Quang
	Ông Dương Mạnh Tuân
	Ông Đỗ Đức Nguyên

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Quỳnh và bà Trần Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2023/TLST-HS ngày 09-10-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ tên: Vũ Quốc T, sinh năm 1981; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; ĐKTT và nơi cư trú: X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Vũ Đức C, sinh năm 1938 và con bà Phan Thị C1, sinh năm 1942; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ là Vũ Thị T2, sinh năm 1988; có 02 con: Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04-01-2016, Công an huyện Vụ Bản xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) về hành vi kinh doanh không đúng địa điểm. Ngày 19-12-2006, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 20-5-2008, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm tuyên phạt (tổng hợp hình phạt với ản án ngày 19-12-2006) 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18-7-2008, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm xử phạt T 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 12-6-2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

xét xử phúc thẩm và tuyên phạt từ chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hiện bị cáo Vũ Quốc T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong – Bộ Công an, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS: Luật sư Khương Ngọc Q – Công ty TNHH – MTV Vinh Quang, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định (có mặt).

* Bị hại:

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 473 T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

* Người làm chứng:

Chị Vũ Thị T2, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến khoảng cuối năm 2019, Vũ Quốc T, sinh năm 1981; ĐKTT và nơi cư trú: X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vay tiền của nhiều người với lãi suất từ 1000 đồng đến 2000 đồng/triệu/ngày. Đến thời điểm cuối năm 2019, Vũ Quốc T còn nợ tổng số tiền 13.470.000.000 đồng. Trong đó nợ ông Trần Văn T1, sinh năm 1958, trú tại: 473 T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định số tiền 1.450.000.000 đồng (vay vào các ngày 25-9-2018 số tiền 150.000.000 đồng; ngày 27-9-2018 số tiền 300.000.000 đồng; ngày 05-11-2018 số tiền 200.000.000 đồng; ngày 24-10-2018 số tiền 250.000.000 đồng; ngày 28-11-2018 số tiền 250.000.000 đồng; ngày 24-5-2019 số tiền 300.000.000 đồng.

Khi vay tiền của nhiều người, Vũ Quốc T nói nhiều mục đích vay khác nhau như để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch, để đáo hạn ngân hàng, để xây nhà, để buôn gỗ, để mua đất. Khi vay tiền của ông Trần Văn T1, Vũ Quốc T đều viết Giấy biên nhận trong đó có giấy biên nhận ngày 30-01-2018 ghi vay tiền để mua đất và xây nhà. Trong thời gian từ khi vay đến khoảng cuối năm 2019, Vũ Quốc T thanh toán lãi đầy đủ nên những người này tin tưởng vẫn để cho T vay. Đến cuối năm 2019, T không còn khả năng thanh toán lãi nên một số người đã yêu cầu T trả lại số tiền đã vay nhưng T đã xin dừng trả tiền lãi và trả nợ dần tiền gốc vay nhưng sau đó T cũng không thanh toán được tiền gốc do mất khả năng thanh toán.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2021, T che giấu việc bản thân đang vay của nhiều người số tiền lớn nhưng không có khả năng thanh toán hoặc nói dối về việc kinh doanh để hỏi vay thêm nhiều lần, nhiều người và chiếm đoạt tổng số tiền 9.500.000.000 đồng của vợ chồng ông Trần Văn T3, trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của ông Bùi Văn S, sinh năm 1960, trú

tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của ông Nguyễn Hồng T4, sinh năm 1966, trú tại: Xóm H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của chị Vũ Thị H1, sinh năm 1974; trú tại: Xóm Chợ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1979; trú tại: Thôn D1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của vợ chồng chị Phạm Thị A, sinh năm 1977, trú tại: 8/89 L, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; của anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; của anh Nguyễn Văn Khanh, sinh năm 1972, trú tại: Xóm B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; của vợ chồng bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1965 và ông Trần Ngọc C, sinh năm 1964, trú tại: Đội 7, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; của ông Phạm Văn S1, sinh năm 1968, trú tại: Thôn T1, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại Bản án phúc thẩm số 409/2023/HS-PT ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử và tuyên phạt Vũ Quốc T tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với hành vi chiếm đoạt 9.500.000.000 đồng nêu trên.

Sau khi Vũ Quốc T bị đưa ra xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", ông Trần Văn T1 có đơn tố cáo Vũ Quốc T lừa đảo chiếm đoạt của ông số tiền 2.900.000.000 đồng và nộp 11 Giấy biên nhận vay tiền. Trong đó có 07 Giấy vay tiền viết vào các ngày 30-11-2018, 25-9-2018, 27-9-2018, 24-10-2018, 05-11-2018, 28-11-2018, 24-5-2019 với tổng số tiền 3.060.000 đồng (ông Trần Văn T1 khai trong số tiền này có 650.000.000 đồng viết trùng 02 lần và 960.000.000 đồng Vũ Quốc T đã trả nên đến năm 2019 chỉ còn nợ 1.450.000.000 đồng) và 04 Giấy vay tiền vào các ngày 20-9-2020, 08-11-2020, 25-11-2020, 28-11-2020 với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 793/KL-KTHS ngày 10-7-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ viết, chữ ký trong 11 Giấy biên nhận do Vũ Quốc T viết và ký.

Tại Cơ quan điều tra (CQĐT), ông Trần Văn T1 khai báo: Khi vay tiền Vũ Quốc T thỏa T2 sử dụng vào mục đích cùng ông Thu (họ hàng của Vũ Quốc T làm nghề mộc) buôn gỗ hoặc để đấu thầu thuê trụ sở cũ của UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để mở Công ty, khi thì nói mua xe ô tô. Tuy nhiên, ông Trần Văn T1 không nhớ từng lần vay cụ thể Vũ Quốc T mục đích vay là gì. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 20-9-2020, ông T không tính lãi suất đối với Vũ Quốc T, còn lại tất cả các khoản vay đều tính lãi suất 1000 đồng/triệu/ngày. Các lần trả lãi đều do Vũ Quốc T đưa tiền mặt trực tiếp trả cho ông Trần Văn T1 vì ông T không sử dụng tài khoản ngân hàng. Ông T không ghi chép việc nhận tiền lãi nên ông T không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi từ việc cho Vũ Quốc T vay tiền.

Tại CQĐT, Vũ Quốc T khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi của bản thân. Vũ Quốc T khai khi vay tiền không nói cho ông Trần Văn T1 về mục đích vay và T vay tiền để buôn gỗ, buôn cây cảnh, buôn đồ cổ nhưng không nhớ buôn bán với ai do chỉ buôn bán trên mạng, tự buôn bán một mình, không khai được cụ thể việc kinh doanh buôn bán của bản thân. Vũ Quốc T mua đồ cổ về để ở nhà và

mua cây về trồng tại xưởng sợi của chị gái là Vũ Thị S2 ở Thành Lợi. Tuy nhiên, Vũ Quốc T cũng thừa nhận chỉ trả lãi những người vay đến cuối năm 2019. Đầu năm 2020, T đã xin một số cá nhân dừng trả lãi và trả dần nợ gốc nhưng sau đó cũng không trả được cho ai.

Tại CQĐT, Vũ Thị T6 (là vợ Vũ Quốc T) khai nhận: Năm 2017, các anh, chị của T cho toàn bộ tiền để vợ chồng xâu dựng ngôi nhà đang ở trên thửa đất đứng tên ông Vũ Đức Cần và bà Phan Thị Cúc là bố mẹ đẻ của Vũ Quốc T. Toàn bộ tiền xây dựng ngôi nhà không liên quan gì đến Vũ Quốc T. Ngoài ra, ngôi nhà thờ của ông C, bà C1 đang ở là do chị Vũ Thị S2 bỏ tiền ra xây, không liên quan gì đên việc Vũ Quốc T vay tiền của những người khác. Quá trình sinh sống, chị T2 được biết khoảng năm 2015 đến năm 2016, thì Vũ Quốc T làm thuê cho ông Tuyến ở cửa hàng cầm đồ. Từ khoảng năm 2016 đến nay, Vũ Quốc T không có công việc ổn định, khi chị T2 hỏi làm gì thì Vũ Quốc T chỉ nói làm ăn kinh doanh, không nói cụ thể làm gì, chị T2 hỏi cụ thể thì Vũ Quốc T thường chửi bới chị T2, Vũ Quốc T hầu như không đưa tiền cho chị để chi tiêu, sinh hoạt. Việc ký Giấy vay ông Trần Văn T1 là do Vũ Quốc T ép chị ký.

Chính quyền địa phương cung cấp: Cấp có thẩm quyền chưa có kế hoạch về việc mở bán, đấu thầu khu đất trụ sở cũ. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, Vũ Quốc T không có công việc ổn định, không kinh doanh gì tại nơi cứ trú.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 99/CT-VKS-P3 ngày 05-10-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Vũ Quốc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS.

- Tại phiên toà: Bị cáo Vũ Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện tội phạm là đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình cũng như mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích H, người làm chứng chị Vũ Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đều có yêu cầu HĐXX xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bị cáo Vũ Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt Vũ Quốc T 15 năm đến 16 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt với bản án số 409/2023/HS-PT ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo tù chung thân. Buộc bị cáo Vũ Quốc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù chung thân. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Quốc T phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Quốc T có quan điểm tranh luận: Về tội danh, Luật sư nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Vũ Quốc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, có bố mẹ già yếu và con còn nhỏ, bị cáo cũng đã nhận ra sai lầm và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật hứa sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra, bị cáo xin HĐXX xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được đoàn tụ cùng gia đình và trở về xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng như trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 20-9-2020 đến ngày 28-11-2020, mặc dù đang vay mượn nhiều người với số tiền lớn và không có khả năng thanh toán nhưng Vũ Quốc T vẫn gian dối che giấu việc bản thân mất khả năng thanh toán hoặc nói dối về việc kinh doanh của mình nhằm tạo niềm tin để hỏi vay tiền thêm của ông Trần Văn T1 04 lần với 04 giấy vay tiền đề các ngày 20-9-2020, 08-11-2020, 25-11-2020, 28-11-2020 để chiếm đoạt tổng số tiền 1.450.000.000 đồng của ông T. Tại CQĐT bị cáo Vũ Quốc T khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi của bản thân. Vũ Quốc T khai khi vay tiền không nói cho ông Trần Văn T1 về mục đích vay và T vay tiền để buôn gỗ, buôn cây cảnh, buôn đồ cổ nhưng không nhớ buôn bán với ai do chỉ buôn bán trên mạng, tự buôn bán một mình, không khai được cụ thể việc kinh doanh buôn bán của bản thân. Vũ Quốc T mua đồ cổ về để ở nhà và mua cây về trồng tại xưởng sợi của chị gái là Vũ Thị S2 ở Thành Lợi. Tuy nhiên, Vũ Quốc T cũng thừa nhận chỉ trả lãi những người vay đến cuối năm 2019, đầu năm 2020 T đã xin một số cá nhân dừng trả lãi và trả dần nợ gốc nhưng sau đó cũng không trả được cho ai. Mặt khác, xem xét tổng thể vụ án ngoài lời khai của bị cáo còn các tài liệu khác mà CQĐT thu thập được trong quá trình điều tra. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố. Vì vậy, căn

cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và bị hại, HĐXX nhận thấy hành vi của bị cáo Vũ Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Vũ Quốc T đã nhiều lần gian dối vay tiền của ông Trần Văn T1 với số tiền trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Quốc T cũng đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi của bị cáo Vũ Quốc T là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bản thân bị cáo Vũ Quốc T đủ khả năng nhận thức về hành vi đã làm của mình; nhận thức được hậu quả việc làm của mình nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt số tiền 1.450.000.000 đồng của ông Trần Văn T1. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục với bị cáo đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo còn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đã chiếm đoạt của bị hại nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Quốc T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 1.450.000.000 đồng.

[7] Các tài liệu thu giữ trong vụ án: Trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị hại các giấy tờ có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể: Đối với 07 giấy vay tiền đề các ngày 30-11-2018, 25-9-2018, 27-9-2018, 24-10-2018, 05-11-2018, 28-11-2018, 24-5-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trả lại cho ông Trần Văn T1; đối với 04 giấy vay tiền đề các ngày 20-9-2020, 08-11-2020, 25-11-2020, 28-11-2020 cần tiếp tục lữu trữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Tình tiết khác của vụ án: Đối với việc Vũ Quốc T khai nhận các khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 08-11-2020, khoản vay 150.000.000 đồng vào ngày 25-11-2020 và khoản vay 150.000.000 đồng vào ngày 28-11-2020 thì ông Trần Văn T1 tính lãi suất 3000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, khi trả lãi thì Vũ Quốc T trả bằng tiền mặt cho ông Trần Văn T1 trực tiếp nhận, không qua chuyển khoản ngân hàng, Vũ Quốc T không ghi chép việc trả lãi nên không xác định được trả lãi bao nhiêu cho ông Trần Văn T1. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ xác định có hay không hành vi cho vay lãi nặng là phù hợp.

Đối với chị Vũ Thị T2: Việc ký vào giấy vay tiền là đều sau khi Vũ Quốc T đã vay mượn . Bản thân cũng không ký nhận cũng như không liên quan đến việc ký 04 giấy vay tiền đề các ngày 20-9-2020, 08-11-2020, 25-11-2020, 28-11-

2020. Vì vậy, không có căn cứ Vũ Thị T2 đồng phạm với chồng nên không xử lý hành vi này là phù hợp.

Đối với các khoản vay được xác định Vũ Quốc T vay của ông Trần Văn T1 trước ngày 01-01-2020: Do không có căn cứ xác định Vũ Quốc T gian dối khi vay tiền, sau khi vay trả lãi đầy đủ đến cuối năm 2019 và đã trả một phần tiền gốc nên hiện tại không có căn cứ xác định Vũ Quốc T có ý thức chiếm đoạt trước, trong và sau khi vay tiền nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho ông Trần Văn T1 07 giấy vay tiền đề các ngày 30-11-2018, 25-9-2018, 27-9-2018, 24-10-2018, 05-11-2018, 28-11-2018, 24-5-2019, hướng dẫn khởi kiện dân sự theo đúng quy định pháp luật; 04 giấy vay tiền đề các ngày 20-9-2020, 08-11-2020, 25-11-2020, 28-11-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành chuyển theo hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị truy tố đối với Vũ Quốc T là có căn cứ pháp lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Vũ Quốc T 15 (Mười năm) năm tù. Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt với Bản án số 409/2023/HS-PT ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên phạt bị cáo Vũ Quốc T tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo Vũ Quốc T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 25-6-2022.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Vũ Quốc T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Quốc T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 1.450.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Vũ Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 55.500.000 đồng *(Năm lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)